TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16-6-2023
V/v: "Ly hôn, trBh chấp về nuôi con"

NHÂN DBH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thu TrBg

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam
2. Bà Mai Thị Nhặc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thư Linh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 87/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023 về việc "*Ly hôn, trBh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 115/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Nhã T**, sinh năm 1999. Nơi cư trú: Ấp L, xã H, huyện D, tỉnh B (vắng mặt).

2. Bị đơn: Bh **Nguyễn Minh TH,** sinh năm 1998. Nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện N, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai chị Trần Thị Nhã T trình bày:

Chị T và Bh TH quen biết, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy bB nhân dân xã T, huyện N, tỉnh B, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 31/8/2018. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do Bh TH thường xuyên cờ bạc, uống rượu, không lo làm ăn. Chị T đã nhiều lần khuyên cB nhưng Bh TH không sửa đổi. Mâu thuẫn trầm trọng vợ chồng đã sống ly thân từ ngày

31/01/2022 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T xin ly hôn với Bh TH.

Về con chung: Có hai con chung là Nguyễn Trần Thiên A, sinh ngày 15/02/2019 và Nguyễn Trần Thiên B, sinh ngày 31/11/2020, hai con chung hiện đBg sống chung với chị T, chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu Bh TH cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị T trình bày không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là Bh Nguyễn Minh TH vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, Bh TH không gửi văn bản trình bày ý kiến về những nội dung có liên quB đến yêu cầu khởi kiện của chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhA dA huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu quB điểm cho rằng: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dA sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy của Bộ luật tố tụng dA sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dA sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhA và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Nhã T, cụ thể: Chị Trần Thị Nhã T được ly hôn với Bh Nguyễn Minh TH. Về con chung: Chị T được quyền trực tiếp nuôi hai người con chung là Nguyễn Trần Thiên A, sinh ngày 15/02/2019 và Nguyễn Trần Thiên B, sinh ngày 31/11/2020, Bh TH không phải cấp dưỡng nuôi con chung.Về tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Trần Thị Nhã T đối với Bh Nguyễn Minh TH thì vụ án có quB hệ trBh chấp là *"Ly hôn, trBh chấp về nuôi con*". QuB hệ pháp luật trBh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dA sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Bh Nguyễn Minh TH có nơi cư trú tại xã T, huyện N, tỉnh B. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dA sự năm 2015, Tòa án nhA dA huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Chị Trần Thị Nhã T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; với Bh Nguyễn Minh TH đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và

xét xử vắng mặt chị T và Bh TH theo quy định tại các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dA sự năm 2015.

[2] Về nội dung trBh chấp:

[2.1] Về hôn nhA: Chị Trần Thị Nhã T và Bh Nguyễn Minh TH tự nguyện tiến tới hôn nhA và đăng ký kết hôn Ủy bB nhA dA xã T, huyện N, tỉnh B nên được xem là hôn nhA hợp pháp được pháp luật công nhận.

[2.2] Chị T cho rằng hôn nhA giữa chị và Bh TH không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với Bh TH. Theo chị T trình bày thì nguyên nhA phát sinh mâu thuẫn là do Bh TH thường xuyên cờ bạc, uống rượu, không lo làm ăn. Chị T đã nhiều lần khuyên cB nhưng Bh TH không sửa đổi và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thA từ tháng 01/2022 đến nay, không thể hàn gắn tình cảm được. Quá trình Tòa án giải quyết thì Bh TH không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về hôn nhA giữa chị T và Bh TH và cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm mục đích hàn gắn đoàn tụ. Từ đó cho thấy quB hệ hôn nhA giữa chị T và Bh TH đã đến mức trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhA không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với Bh TH là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhA và gia đình năm 2014.

[2.3] Về con chung: Chị T và Bh TH có hai con chung là Nguyễn Trần Thiên A, sinh ngày 15/02/2019 và Nguyễn Trần Thiên B, sinh ngày 31/11/2020, hiện hai con chung đBg sống chung với chị T, chị T cũng đảm bảo tốt việc nuôi dưỡng hai con chung con, cháu Thiên A và Thiên B cũng đã thích nghi với môi trường sống và với việc chăm sóc, giáo dục của chị T. Bh TH vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về việc nuôi con. Do đó, để đảm bảo sự phát triển của cháu Thiên A và Thiên B cả về thể chất lẫn tinh thần, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con chung là Nguyễn Trần Thiên A và Nguyễn Trần Thiên B cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhA và gia đình năm 2014.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu Bh TH cấp dưỡng nuôi hai con chung nên ghi nhận.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có tài sản và không có nợ chung; Bh TH vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của Bh TH về việc yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị T là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhA và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dA sự năm 2015.

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhA và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bB Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Nhã T, cụ thể:

1. Về hôn nhA: Chị Trần Thị Nhã T được ly hôn với Bh Nguyễn Minh TH.

2. Về con chung:

Giao hai con chung là Nguyễn Trần Thiên A, sinh ngày 15/02/2019 và Nguyễn Trần Thiên B, sinh ngày 31/11/2020 cho chị Trần Thị Nhã T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Trần Thị Nhã T không yêu cầu Bh Nguyễn Minh TH cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, chị Trần Thị Nhã T, Bh Nguyễn Minh TH hoặc cá nhA, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhA và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, chị Trần Thị Nhã T, Bh Nguyễn Minh TH có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí:

Chị Trần Thị Nhã T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhA và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số tòa án số 0004677 ngày 05/4/2023 của Chi cục Thi hành án dA sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre là đủ.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dA sự thì người được thi hành án dA sự, người phải thi hành án dA sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dA sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dA sự".

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự (2b) ;
- TBD tỉnh Bến Tre (1b) ;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- UBND xã ThBh Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh (1b)
- Lưu HS, VP (3b) TC:9b .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu TrBg

CÁC HỘI THẨM NHA DA **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

CÁC HỘI THẨM NHA DA **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**